

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1296/TB-TTYT

Lái Thiêu, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v chào giá Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ Thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2025-2026”

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp

Căn cứ Quyết định 433/QĐ-TTYT ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt danh mục, chủ trương thực hiện mua sắm gói thầu “Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2025-2026”;

Căn cứ Quyết định 533/QĐ-TTYT ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật gói thầu “Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2025-2026”;

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An đang có nhu cầu thuê dịch vụ thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2025-2026” cụ thể:

- Tên gói thầu: Vật tư, thiết bị y tế thông thường năm 2025-2026
- Chi phí mua sắm hàng hóa tạm tính: 5.661.850.929 đồng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi theo từng lô phần
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

Kính mời các Công ty/Đơn vị có chức năng, năng lực, kinh nghiệm và có nhu cầu tham gia thực hiện công tác thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu trên theo thông tin như sau:

- I. Danh mục vật tư, thiết bị y tế: (phụ lục đính kèm)
- II. Hồ sơ chào phí dịch vụ thẩm định gồm :
 - Báo giá chào phí dịch vụ thẩm định
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh
 - Hồ sơ năng lực

- Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung, điều khoản tham chiếu
- Tiến độ thực hiện công việc

III. Hồ sơ dịch vụ thẩm định và các tài liệu liên quan xin gửi về

- Phòng Vật tư-TBYT;
- Đ/c: Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại: 0274.3755434
- Thời gian nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày ra thông báo (trong giờ hành chính);

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An; Website: trungtamytethuanan.com.vn

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của các Công ty/Đơn vị cung cấp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ
- Website TTYT Thuận An
- Lưu: VT,P.VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Huy Cường



PHỤ LỤC
VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ THÔNG THƯỜNG NĂM 2025-2026

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu các loại						
1.1		Băng bột bó cỡ 10cm	Bột thạch cao có độ tinh khiết cao. Lớp gạc 100% cotton, rộng 10cm ±1cm; chiều dài ≥ 270cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	2.400	
1.2		Băng bột bó cỡ 15cm	Bột thạch cao có độ tinh khiết cao. Lớp gạc 100% cotton, rộng 15cm ±1cm; chiều dài ≥270cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	2.400	
1.3		Băng bột bó cỡ 7,5cm	Bột thạch cao liên gạc. Gạc 100% cotton. Kích thước: 7,5cm ±1cm, chiều dài ≥ 270cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	1.260	
1.4		Băng chun, băng đàn hồi	Chất liệu: được làm từ sợi cotton Có 3 móc cài, băng có độ	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135,	Cuộn	6.500	

Sst	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			đàn hồi Hoặc tương đương	CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.5		Băng cuộn y tế	Chất liệu sợi cotton 100% màu trắng không hồ, không sử dụng chất nhuộm màu, không mùi vị, không lẫn tạp chất. kích thước $\geq 0.07\text{m} \times 1.5\text{m}$ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	8.000	
1.6		Băng dính vô trùng vải có định kim luân 60mmx70mm	Kích thước băng: 60mm x 700mm, 4 góc bo tròn tránh bung mép Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. Gạc thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luân. Phù keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	50.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.7		Băng gạc vô trùng	Nền băng Polyester đan không dệt định lượng vải 45-55g/m ² , mềm, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc (3cm x 4cm) ± 10%, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho da	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	2.800	
1.8		Băng keo cá nhân	Chất liệu: Sợi vải đàn hồi, viscose ≥ 70%, polyamide ≥ 30%, phủ keo Acrylic ≥ 140mg, gạc ≥ 20mm x 10mm, tẩm benzalkonium chloride Kích thước: ≥ 60mm x 19mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	40.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.9		Băng keo chỉ thị nhiệt	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132-134 độ C. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	12	
1.10		Băng keo cuộn co giãn	Chất liệu: Vải nền đàn không dệt, co giãn, mềm mại, thoáng khí, phù hợp keo Acrylic ≥ 100g/m ² an toàn cho mọi loại da. In vạch sẵn, kích thước: 10cm x 10m Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	150	
1.11		Băng keo lụa	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, phù hợp keo Acrylic ≥ 60g poly acrylic/m ² . Kích thước: ≥ 2.5cm x 5m Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	8.900	
1.12		Bông thấm nước	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, không mùi, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	290	
1.13		Bông viên không vỏ trùng	Bông viên đường kính ≥ 20mm, chất liệu là 100%	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn	Kg	23	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế. Không vỏ trùng. Hoặc tương đương	(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
1.14		Bông y tế không thấm nước	Bông không hút nước, được làm từ 100% bông xơ tự nhiên Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	20	
1.15		Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm x 4 lớp	Kích cỡ 0,01m x 2m x 4 lớp. Được làm từ vải không dệt Polyester/Rayon, thấm nước, đã được tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	200	
1.16		Gạc dẫn lưu nội soi 2cm x 30cm x 6 lớp (có cản quang, tiệt trùng)	Kích cỡ 2cm x 30cm x 6 lớp ($\pm 5\%$). Được làm từ vải không dệt, đã được tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	3.000	
1.17		Gạc lưới Lipido-colloid, 10cm x 10cm lưới mềm	Gạc lưới vô trùng $\geq$ 10cm x 10cm. Sản phẩm chứa hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	1.020	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			polymer, vỏ khuẩn. Hoặc tương đương				
1.18		Gạc meche mũi tiệt trùng	Kích thước: ≥ 1 cm x 30cm, tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	40	
1.19		Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm có cân quang, tiệt trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% Cotton, có cân quang, được tiệt trùng. Kích thước 10cm x 10cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	2.000	
1.20		Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp (không tiệt trùng)	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) có độ thấm hút rất cao, chưa tiệt trùng, kích thước 10cmx10cmx8 lớp Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	130.000	
1.21		Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8lớp, cân quang tiệt trùng	Gạc Phẫu thuật ổ bụng 30x40cmx8 lớp, vô trùng, có cân quang, chất liệu 100% cotton. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	11.900	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	DVT	Số lượng	Ghi chú
1.22		Gạc y tế 0.8m	Được làm từ sợi cotton 100%, hút nước, khô 0,8m. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Mét	31.000	
1.23		Clip mạch máu	Clip kẹp mạch máu, bằng Titan có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim để bám chắc vào mạch. L.T300 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	600	
1.24		Miếng cầm máu mũi	Kích thước 8cm x 1.5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	50	
2	Dây dẫn, dây truyền, ống thông, catheter các loại						
2.1		Bình dẫn lưu màng phổi	Bình trong suốt, dung tích tối đa ≥ 1.800ml; có vạch chia ml, kèm nắp bình dẫn lưu Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	63	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.2		Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kích thước 7F, dài ≥20cm Guide wire 0,89mm x 60cm Kim dẫn 18G Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.3		Bộ dẫn lưu vết thương kín	Chất liệu: Nhựa y tế, 3 lỗ xo, có ống nối chữ Y, ống dẫn lưu có trocar. Thể tích ≥ 400ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.4		Bộ dây oxy 2 nhánh dùng một lần các cỡ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	12.000	
2.5		Bộ hút đàm kín sử dụng 72h	Kích thước 10-16Fr Chiều dài catheter 300-550mm(±10%) Có công tắc tổng và công tắc bật tắt, công ngăn chặn rò rỉ dòng chảy ngược trong quá trình hút và có công MDI cho phép thuận tiện việc sử dụng	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	DVT	Số lượng	Ghi chú
			thuốc Hoặc tương đương				
2.6		Bộ khí dung dùng cho máy thở	Bộ khí dung có ống chữ T Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	100	
2.7		Canul mở khí quản 2 nòng có bóng	Canul mở khí quản, 2 nòng riêng biệt có bóng chèn, kích thước 7-7,5 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10	
2.8		Chăn lưới các số	Được làm từ Polyethylene không độc hại, các số Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.800	
2.9		Dây dẫn đường guide wire Nitinol	Kích cỡ: ≥ 0.035", dài ≥ 150cm Chất liệu: Thép không gỉ, phủ PTFE Tip: Đầu thẳng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.10		Dây dẫn đường guide wire phù Hydrophilic	Kích cỡ: $\geq 0.035''$, dài 150cm Chất liệu: Nitinol chống xoắn Tip: Đầu thẳng, mềm Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20	
2.11		Dây dẫn máy thở người lớn	Bộ dây máy thở một lần dùng cho người lớn phù hợp với đầu nối máy thở Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	300	
2.12		Dây garo	Chất liệu làm bằng thun co giãn Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Sợi	300	
2.13		Dây hút đờm loại có khóa, các cỡ	02 phần: Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, loại có khóa Các số 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr Tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	12.000	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.14		Dây hút phẫu thuật	Được sản xuất từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Đường kính ≥ 8 mm, chiều dài ≥ 2m, tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.300	
2.15		Dây máy thở có bể nước người lớn	Dây dẫn máy thở 2 bể nước dùng một lần. Cầu hình bao gồm: 4 đoạn dây dài ≥ 80cm; 1 đoạn dây dài ≥ 60cm nối bình làm ẩm, 2 bể nước, 1 cắt chữ Y, 1 cắt chữ L. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	720	
2.16		Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài ≥ 140cm. Đầu nối vận xoắn (khóa ren Luer lock), khóa bảo vệ, dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, màu. Chất liệu PVC, chống xoắn. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	7.100	
2.17		Dây truyền dịch	Loại 20 giọt, được sản xuất từ nhựa dùng trong y tế Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135,	Bộ	100.000	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
				CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.18		Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch các loại	Sử dụng cho máy truyền dịch model Infusomat P, loại 20 giọt, chất liệu PVC không có chất phụ gia DEHP, chứa DEHT an toàn. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	1.000	
2.19		Dây truyền máu	Dài ≥ 180cm, có màng lọc, Có kim truyền không cánh, được tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	1.000	
2.20		Filter máy đo chức năng hô hấp	Filter máy đo chức năng hô hấp (tương thích máy model KOKO) Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	220	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.21		Khóa chia ba	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài $\geq 25\text{cm}$ mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.000	
2.22		Làm ấm mở khí quản (mũi nhân tạo)	Dụng cụ làm ấm làm ấm không khí cho ống, mở khí quản, có một công riêng để hút đờm, có khoang nhỏ ngăn đờm có van oxy giúp cung cấp một lượng oxy khi cần thở oxy Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	200	
2.23		Ống dẫn lưu Kehr các cỡ	Chất liệu: nhựa PVC y tế không độc hại, không DEHP, có cản quang. Các size 10-26. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	12	
2.24		Ống dẫn lưu màng bụng, các cỡ	Ống dẫn lưu ở bụng gồm dạng ống không lỗ hoặc có lỗ. Chất liệu nhựa, đường kính trong 5.0mm đến 7.0mm, chiều dài $\geq$	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135,	Cái	200	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			390mm Hoặc tương đương	CE, FDA, CFS, TCVN)			
2.25		Ống dẫn lưu màng phổi	Có nắp các cỡ. Vật liệu bằng PVC. Kích cỡ từ 12Fr đến 36Fr. Chiều dài ≥ 400 mm. Ống catheter cân quang. Có co nối đi kèm Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	48	
2.26		Ống hút điều kinh các số	Các số: 4, 5, 6. Được tiết trùng bằng khí Ống bằng nhựa nguyên sinh. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	400	
2.27		Ống ngậm giấy đo hô hấp khí	Đường kính 25-30mm Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	220	
2.28		Ống nội khí quản cong miệng có bóng các số	Làm bằng PVC y tế hoặc silicon hoặc tương đương. Bóng hình trụ. Có vạch cm trên thân ống. Có đường cân quang. Đầu ống vát, có cửa sổ. Các	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	1.900	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			số, các cỡ Hoặc tương đương				
2.29		Ổng nối máy thở (sâu máy thở)	Chất liệu bằng nhựa dùng trong y tế - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Có công lấy mẫu khí và nắp dây có định - Đầu nối: 22M/15F - Kích thước: Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.000	
2.30		Ổng sonde dạ dày các cỡ	Các cỡ 14, 16, 18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.000	
2.31		Ổng sonde double JJ	Chất liệu: Polyurethane (PU), phủ Hydrophilic. Chiều dài: $\geq 26\text{cm}$ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	300	
2.32		Ổng sonde hậu môn các cỡ	Được làm từ nhựa dùng trong y tế, các cỡ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	45	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.33		Ống thông tiêu 1 nhánh (nclaton), các số	Chất liệu silicon, các số Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	400	
2.34		Ống thông tiêu 2 nhánh, các số	Chất liệu cao su dùng trong y tế có phủ silicon, có 2 nhánh, các số. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.000	
2.35		Ống thông tiêu 3 nhánh, có bóng, các số	Chất liệu cao su dùng trong y tế có phủ silicon, có 3 nhánh, các số. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	500	
3	Bơm, kim tiêm, chỉ phẫu thuật, rọ tán sỏi, lưới thoát vị các cỡ						
3.1		Bơm tiêm 1 ml	Bơm tiêm nhựa liên kim 1 ml, cỡ kim 26Gx1 1/2", không chứa độc tố Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	30.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.2		Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liên kim 10ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	230.000	
3.3		Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liên kim 20 ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt.. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	7.000	
3.4		Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liên kim 3ml, kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	24.000	
3.5		Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liên kim 5ml, cỡ kim 23G x 1". Xy lanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	220.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.6		Bơm tiêm cho ăn	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế. Dung tích 50ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.300	
3.7		Bơm tiêm dầu xoắn, 50ml	Bơm tiêm không kim, đầu xoắn. Thân bơm tiêm làm bằng nhựa trong suốt, dung tích 50ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	8.900	
3.8		Bóp bóng các cỡ	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em, sơ sinh chất liệu Silicon Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	60	
3.9		Chỉ khâu đơn sợi Polyglecaprone 25 số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 3/0 dài 70cm (± 3,5cm), 1 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim thép Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	150	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.10		Chỉ phẫu thuật không tan sự nhiên (Silk) số 3/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, không kim, dài 75cm ($\pm 3,75$ cm) Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	100	
3.11		Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 2/0, kim tam giác	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 2/0, chỉ dài 75cm(± 3 cm), kim tam giác ≥ 26 mm phủ silicon. Tiết trùng. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.200	
3.12		Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 3/0, kim tam giác	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 3/0, chỉ dài 75cm(± 3 cm), kim tam giác ≥ 26 mm phủ silicon. Tiết trùng. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.800	
3.13		Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp (Nylon) số 4/0, kim tam giác	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polyamid, số 4/0, chỉ dài 75cm (± 3 cm), kim tam giác ≥ 19 mm phủ silicon. Tiết trùng. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.100	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.14		Chi phẫu thuật không tan tự nhiên (Silk) số 2/0	Chi không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75cm ($\pm 3,75$ cm), kim tam giác 3/8c, dài ≥ 24 mm Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	2.300	
3.15		Chi phẫu thuật tự tan đa sợi Polyglactin số 1/0	Chi phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1, kim tròn, chỉ dài ≥ 90 cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	2.000	
3.16		Chi phẫu thuật tự tan đa sợi Polyglactin số 2/0	Chi phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	192	
3.17		Chi phẫu thuật tự tan đa sợi Polyglactin số 3/0	Chi phẫu thuật tự tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, kim tròn, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim bằng thép không gỉ tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	192	
3.18		Chi tan chậm tự nhiên Catgut chromic số 2	Chi tự nhiên, tan chậm, đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, số 2/0, chỉ dài 75cm ($\pm 3,5$ cm), kim tròn	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	980	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			$\geq 26\text{mm}$ phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Hoặc tương đương	CE, FDA, CFS, TCVN)			
3.19		Chỉ tan chậm tự nhiên Catgut chromic số 3	Chỉ tự nhiên, tan chậm, đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, số 3/0, chỉ dài 75cm ($\pm 3,5\text{cm}$), kim tròn $\geq 26\text{mm}$ phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	120	
3.20		Chỉ tan chậm tự nhiên Catgut số 0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 0, dài 75cm ($\pm 3,5\text{cm}$), kim tròn 1/2 dài $\geq 36\text{mm}$, làm từ collagen tinh khiết Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	1.200	
3.21		Chỉ thép xương bánh chè	Thép không gỉ, dài 60cm ($\pm 3\text{cm}$), kim tam giác dài $\geq 120\text{mm}$, phủ silicon, số 7. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	60	
3.22		Chỉ tổng hợp đơn sợi không tan polypropylen chỉ số 2/0, kim tròn	Chỉ tổng hợp không tan, đơn sợi, chất liệu Polypropylene. Số 2/0, chỉ dài 90cm ($\pm 3,5\text{cm}$), kim tròn dài $\geq 26\text{mm}$ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tép	100	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư; thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.23		Kim châm cứu các cỡ	Kích cỡ: 0.25x25mm; 0.25x40mm; 0.25 x 70mm. Vô trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	300.000	
3.24		Kim gây tê tùy sống	Thép không gỉ. Đầu kim 3 mặt vát. Tiệt trùng. Các số 25-27 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.000	
3.25		Kim dây chỉ	Kim dây chỉ gồm phần dây chỉ đầu bằng và phần cán. Kích cỡ: 0.30*33mm. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, vô trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10.000	
3.26		Kim Lancet	Chất liệu: Thép không gỉ. Tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.000	

Sst	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.27		Kim luôn tĩnh mạch có cánh có công thêm các số	Kim luôn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G, đầu kim vát 3 cạnh. Tiệt trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	60.000	
3.28		Kim thử đường huyết	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng, vỏ trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	32.000	
3.29		Kim tiêm sử dụng một lần	Sử dụng một lần, Để kim được làm bằng nhựa dùng trong y tế, cỡ kim 18G, 22G, 23G. Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gợn, vác 3 cạnh Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	130.000	
3.30		Nút chặn đuôi kim luôn	Nút chặn đuôi kim luôn có công bơm thuốc, dài ≥22mm Khóa vặn xoắn giúp đường truyền an toàn Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.000	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3.31		Lưới thoát vị 06cmx11cm	Chất liệu bằng polyester đơn sợi Kích thước 6cmx11cm, tiết khuôn Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	36	
3.32		Lưới thoát vị 15cmx15cm	Lưới được làm từ chất liệu polypropylen không tiêu loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị. Kích thước: 15cm x 15cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Miếng	12	
3.33		Rọ tán sỏi	Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire. Kích thước: 3/4Fr. Số dây của rọ: 4. Chiều dài: 70/90/120cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	30	
4	Chi thị hóa học, găng tay, giấy, mask các loại						

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
				CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.5		Găng tay phẫu thuật có bột tiết trùng	Chất liệu: cao su thiên nhiên có bột, các số 6.5; 7; 7.5, tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Đôi	40.000	
4.6		Giấy đo điện tim 110mm x 140m x 200	Giấy in kết quả đo điện tim kích thước: 110mm x 140m x 200 tờ. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	20	
4.7		Giấy đo điện tim 63mm x 30m	Giấy in kết quả đo điện tim Kích thước: 63mm x 30cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	600	
4.8		Giấy đo điện tim 80mm x 20m	Giấy in kết quả đo điện tim kích thước: 80mm x 20m Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135,	Cuộn	650	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
4.1		Chỉ thị Bowie-Dick cho tiết trùng hơi nước	Dùng để kiểm tra máy trước mẻ hấp đầu tiên. Kích thước: $\geq 16 \times 125 \times 113$ mm Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Gói	68	
4.2		Chỉ thị hóa học dùng cho gói đồ hấp	Chỉ thị hóa học Loại 5, Kích thước $\geq 70 \times 23$ mm được thiết kế để phản ứng với tất cả các biến quan trọng trong chu trình tiết trùng: thời gian, nhiệt độ và sự hiện diện của hơi nước Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Test	7.332	
4.3		Chỉ thị hóa học dùng cho lò hấp tiết trùng	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, hơi nước bão hòa) kiểm tra chất lượng tiết khuẩn dùng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 121°C và 135°C . Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Test	4.524	
4.4		Găng tay khám có bột	Chất liệu: Cao su thiên nhiên có bột, các size S, M Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135,	Đôi	400.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
4.9		Giấy in kết quả máy monitor sản khoa 152x150x200	Giấy in kết quả đo máy monitor sản khoa, kích thước 152mmx 150x200 sheets Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	
4.10		Giấy in kết quả máy monitor sản khoa 151mm x 100mm x 150	Giấy in dùng cho máy monitor sản khoa, dạng tập, kích thước: 151mm x 100mm x 150 sheets, có bao bảo vệ. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	
4.11		Giấy in kết quả monitor sản khoa 130mm x 120mm x 300	Giấy ghi có kẻ ô vuông, phù hợp với máy Bitos-BT300, kích thước 130mm x 120mm x 300 tờ Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Xấp	200	
4.12		Giấy y tế	Giấy y tế dùng lót, lau trong y tế, thấm hút tốt, không tối, rã, kích thước: 40cm x 50cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	1.200	
4.13		Mask Oxy có túi các cỡ	Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn	Cái	2.500	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			không bị vỡ xoắn, túi trữ khí $\geq 1000\text{ml}$. Đầu nối tiêu chuẩn. Không Latex. Gồm các size :XL, L, M, S, tiết trùng Hoặc tương đương	(ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)			
4.14		Mask thanh quản 2 nòng silicon, dùng nhiều lần, các số	Làm bằng vật liệu silicone y tế, không độc hại, không kích ứng, tương thích sinh học tốt. Bóng 2 lớp. Size: 3.0 đến 4.0 Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10	
4.15		Mặt nạ gây mê các số	Nhựa PVC y tế mềm, giữ kính hơi mê, vòm áp mềm mại, vô trùng, nhiều cỡ từ 1 đến 6 Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	100	
4.16		Mặt nạ xông khí dung các cỡ	Sản xuất từ nhựa dùng trong y tế, có bộ khí dung. Các cỡ: S, M, L, XL Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.700	
5		Túi, lọ và vật tư y tế dùng trong chẩn đoán, điều trị					

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.1		Bao Camera nội soi	Chất liệu được làm bằng nhựa PE nguyên chất, trung tính, tiết trùng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.500	
5.2		Bao cao su	Chất liệu cao su, không gây dị ứng. Độ dài và đàn hồi tốt. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	6.000	
5.3		Bộ hút điều kinh 1 van	Bơm dung tích 60cc. Áp lực hút chân không. Có một khóa van. Phù hợp với ống hút mềm dẻo Karman loại FC. Tháo được đầu đầu van cao su ra khỏi thân van Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bộ	240	
5.4		Dao mổ các số	Chất liệu thép không gỉ, số 10, số 11 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	5.600	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.5		Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Chai	1	
5.6		Điện cực điện tim	Dùng dán điện tim Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	20.000	
5.7		Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, vô khuẩn, không gây mẫn cảm hoặc rất da, gel trong suốt, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước, độ PH 6.5-7.5, không mùi, thể tích ≥ 5000ml Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Can	100	
5.8		Kẹp rốn	Dụng cụ giữ dây rốn trẻ sơ sinh, không độc hại, không gây kích ứng. Có bao chứa an toàn đi kèm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.600	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư; thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.9		Khẩu trang y tế	Làm từ vải không dệt, thanh nẹp mũi: bằng nhựa PVC, mềm, dễ uốn cong, 3 lớp Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	100.000	
5.10		Lam kính nhám	Kích thước: ≥25,0mm×75,0mm, độ dày: 1,0-1,2mm, khu vực mài mờ 20 mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	80	
5.11		Lam kính trong	Trong suốt, độ dày: 1.0 - 1,2 mm Kích thước: ≥25.4 x 76,2mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	400	
5.12		Lam men	Kích thước: 22 x 22 mm, độ dày: 0.13 - 0.16 mm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	50	

Sst	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.13		Lọ đựng nước tiêu	Lọ nhựa PS trong suốt, có nhãn màu trắng, nắp nhựa, dung tích ≥50ml, không tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	17.000	
5.14		Lọc khuẩn 3 chức năng	Phin lọc khuẩn, loại ba chức năng, dùng cho người lớn, dùng 1 lần. Màng lọc chế tạo từ sợi polypropylene, kỵ nước. Công lực lấy mẫu khí có nắp Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.800	
5.15		Mũ phẫu thuật tiệt trùng	Làm từ vải không dệt không thấm nước, tiệt trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	14.000	
5.16		Muối hoàn nguyên	Muối tinh khiết, dùng để súc rửa hệ thống nước R.O Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Kg	800	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.17		Nhiệt Kế Vây Thủy Ngân	Nhiệt kế thủy ngân Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	200	
5.18		Ống Effendorf	Ống ly tâm eppendorf 1.5ml, không tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	15.000	
5.19		Ống nghiệm nắp trắng	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh ≥ 1,5ml, nắp trắng, nhựa PP Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	31.500	
5.20		Ống pipet nhỏ giọt 3ml	Chất liệu nhựa y tế LDPE, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài ≥ 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10.000	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.21		Phim X-quang quang chụp rửa liền 3x4cm	Phim rửa liền, có kèm nước rửa phim (3cm x 4cm) Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Tám	1.200	
5.22		Que dè lưới gỗ	Làm bằng gỗ, kích thước ≥ 150*20*2mm. Được tiết trùng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	60.000	
5.23		Tăm bông y tế	Đầu bông của Que Tăm Bông y tế được sử dụng từ Bông y tế 100% sợi cotton Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.000	
5.24		Tăm lót sàn khoa	4 lớp, kích thước ≥ 40cm x 60cm. Không gây kích ứng, không độc tố. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.000	

Sit	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.25		Tạp dề y tế	Chất liệu: màng nhựa PE Kích cỡ: $\geq 80 \times 120$ cm. Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.000	
5.26		Tay dao cắt đôi 2 nút bấm dùng một lần	Tay dao có 2 nút bấm, dùng 1 lần Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	1.200	
5.27		Túi cho ăn	Làm từ nhựa PVC y tế. Thể tích chứa ≥ 1200 ml Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	110	
5.28		Túi đo máu sau sinh	Chất liệu: màng nhựa PE trong, không độc tố, có vạch chia để đo dung tích máu sau sinh (từ 250 ml đến 2000 ml) Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.000	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5.29		Túi đựng nước tiêu	Làm bằng vật liệu nhựa, thể tích chứa $\geq 2000\text{ml}$ Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	2.300	
5.30		Túi ép dẹp 150mm x 200m	Túi ép tiệt trùng loại dẹp 150mmx200m . Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	23	
5.31		Túi ép phòng 200mm x 100m	Túi ép phòng. Kích thước: 200mm x 100m ($\pm 5\%$). Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	39	
5.32		Túi ép phòng 300mm x 100m	Túi ép phòng. Kích thước: 300mm x 100m ($\pm 5\%$). Hoặc tương đương	Đạt $\geq$ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cuộn	39	
6	Vật tư y tế dùng trong nha khoa						

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật để xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.1		Bonding universal	Thành phần: Vitrebond copolymer, HEMA, Nước Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	5	
6.2		Bông cầm máu	Kích thước 2cmx2cmx0,5cm Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Bịch	10	
6.3		Bột Canxi hydroxide (ống tủy)	Thành phần chính Ca(OH) ₂ Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	6	
6.4		Chối đánh bóng	Dầu chối bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chối bằng thép không gỉ. Chiều dài trong khoảng 2.5 - 3cm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	720	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.5		Cọ bond vàng	Cọ bond dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần, màu vàng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Óng	10	
6.6		Composite đặc A2	Dạng đặc, màu A2 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	4	
6.7		Composite đặc A3	Dạng đặc, màu A3... Độ bóng cao và dễ đánh bóng. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	
6.8		Composite đặc A3.5	Composite đặc, màu A3.5, tỷ trọng hạt độn cao, có độ co thấp giúp giảm thiểu tối đa hiện tượng rò vi khuẩn và nhạy cảm sau điều trị. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO1135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	

Sst	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.9		Composite đặc A4	Màu: A4, dạng đặc Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	2	
6.10		Composite lòng A2	Là composite lòng, màu A2 bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cây	10	
6.11		Côn chính Gutta-percha	Chất liệu gutta-percha tinh khiết, mềm dẻo để tạo hình các số tương thích với trám máy và trám tay, các số 20.4; 25.4; 30.4; 35.4 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	32	
6.12		Côn giấy 25	Giấy thấm hút, sử dụng trong nha khoa Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	8	

Sst	Tên lô phản	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.13		Đại cellululo	Chất liệu cellululo Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	2	
6.14		Dung dịch eugenol	Thành phần: , tinh dầu, dạng lỏng, trộn với oxide kẽm tạo hợp chất giảm đau Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	1	
6.15		Axit hàn composite (Etching)	Vật liệu hàn răng có thành phần 37% phosphoric acid. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Ống	12	
6.16		Giấy sát khuẩn lau tay khoan	Khăn lau không dệt, đã được bão hòa trước với dung dịch khử khuẩn. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	30	

Stt	Tên lô phân	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.17		Fuji 9 màu A2	Xi măng để hàn, gắn răng, màu A2 Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Hộp	5	
6.18		Kim bơm rửa nội nha 2 lỗ	Kim bơm rửa nội nha 2 lỗ, màu vàng Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	600	
6.19		Kim nha khoa	Size: 27G Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	3.500	
6.20		Nhám kẽ dó	Dụng cụ mài kẽ răng phủ kim cương một mặt, loại không đục lỗ (trơn) hoặc có đục lỗ (P), không răng cửa. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Sợi	12	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư, thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.21		Nước bơm rửa NaOCl 3%	Dung dịch bơm rửa và điều trị tủy, thành phần chủ yếu là Sodium Hypochlorite 3-5% Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Chai	6	
6.22		Ống hút dịch phẫu thuật inox	Chất liệu: inox, các số Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	10	
6.23		Ống hút nước bột	Ống hút nước bột sử dụng 1 lần. Nhựa PVC không độc hại. Kích thước ≥ 6.5mm, dài ≥ 140mm. Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Cái	4.000	
6.24		Sò đánh bóng	Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Con	800	

Stt	Tên lô phần	Tên vật tư; thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật đề xuất	TCCL	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6.25		Trám tẩm	Vật liệu trám tẩm dùng trám tẩm theo dõi hoặc trám tẩm trong quá trình chữa tủy Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	5	
6.26		Xi măng trám bít ống tủy	Dạng bột, chứa hoạt chất Endomethason Hoặc tương đương	Đạt ≥ một trong những tiêu chuẩn (ISO9001, ISO13485, ISO14001, ISO11135, CE, FDA, CFS, TCVN)	Lọ	2	

